UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2018/QĐ-UBND	*Hà Nam, ngày 19 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Nam

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HÀ NAM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 1374
Ngày 20/6/2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 31 tháng 8 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 4 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Khí tượng thủy văn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tại tờ trình số 198/TTr-STNMT ngày 12 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP, các CV liên quan;
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT, TN&MT.

ML.D/6-2018/KS/QĐ/02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Minh Hiến

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Phối hợp quản lý Nhà nước về Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về trách nhiệm và công tác phối hợp quản lý Nhà nước về khí tượng thủy văn (KTTV) và biến đổi khí hậu (BĐKH) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Những nội dung về hoạt động KTTV và BĐKH không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) liên quan đến hoạt động KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Mục tiêu phối hợp:

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ, quy định trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quản lý KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực KTTV và BĐKH.

3. Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi về thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp:

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; tính đồng bộ, hiệu quả, có phân công trách nhiệm của từng cơ quan, địa phương trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý KTTV và BĐKH.

2. Việc phối hợp thực hiện phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cơ quan, đơn vị bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ quy định, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc phối hợp, trao đổi thông tin trong lĩnh vực KTTV, BĐKH phải thực hiện thường xuyên, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước về KTTV và BĐKH theo quy định pháp luật.

4. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

5. Việc phối hợp không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 5. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động KTTV là các hoạt động quan trắc; dự báo, cảnh báo; phục vụ, dịch vụ KTTV; giám sát BĐKH và tác động vào thời tiết.

2. Quan trắc KTTV là việc quan sát, đo đạc trực tiếp hoặc gián tiếp một cách có hệ thống các thông số biểu hiện trạng thái, hiện tượng, quá trình diễn biến của khí quyển, nước sông, hồ và nước biển.

3. Dịch vụ KTTV là hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu; tư vấn; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ về KTTV, BĐKH nhằm phục vụ mục đích dùng riêng dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa người cung cấp và người sử dụng dịch vụ KTTV.

4. Hiện tượng KTTV cực đoan là các hiện tượng KTTV bất thường về mức độ, thời gian xuất hiện, khu vực xảy ra, có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

5. Công trình KTTV là cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để lắp đặt thiết bị quan trắc, thiết bị thông tin KTTV.

6. Trạm KTTV là nơi được lựa chọn theo các yêu cầu kỹ thuật chuyên môn chặt chẽ và thống nhất để đặt một hoặc nhiều công trình quan trắc KTTV, gồm các loại: trạm khí tượng bề mặt, trạm khí tượng trên cao, trạm ra đa thời tiết, trạm khí tượng nông nghiệp, trạm thủy văn, trạm hải văn, trạm đo mưa, trạm định vị sét và các loại trạm chuyên đề khác.

7. Hành lang kỹ thuật công trình KTTV là khoảng không, diện tích mặt đất, dưới đất, mặt nước, dưới nước cần thiết để bảo đảm công trình hoạt động đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, dữ liệu KTTV thu được phản ánh khách quan tính tự nhiên của khu vực, bảo đảm độ chính xác theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

8. BĐKH là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người. BĐKH hiện nay biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng KTTV cực đoan.

9. Ứng phó với BĐKH là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm nhẹ BĐKH.

- Thích ứng với BĐKH là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do dao động và biến đổi khí hậu hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại.

- Giảm nhẹ biến đổi khí hậu là các hoạt động nhằm giảm mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính.

10. Kịch bản BĐKH là giả định có cơ sở khoa học và có tính tin cậy về xu hướng trong tương lai của khí hậu dựa trên mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội, phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.

11. Khí nhà kính là tên gọi chung của một số loại khí trong thành phần khí quyển như: CO2, CH4, N2O, O3, CFCs,... các khí này hấp thụ và phát xạ trở lại mặt đất bức xạ hồng ngoại từ mặt đất phát ra, hạn chế lượng bức xạ của mặt đất thoát ra ngoài không trung.

12. Hiệu ứng nhà kính là hiệu ứng giữ nhiệt ở tầng thấp của khí quyển bởi các khí nhà kính hấp thụ bức xạ từ mặt đất phát ra và phát xạ trở lại mặt đất làm cho lớp khí quyển tầng thấp và bề mặt Trái đất ấm lên tựa như vai trò của một nhà kính.

13. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu là chương trình có mục tiêu đánh giá được mức độ tác động của BĐKH với các lĩnh vực, ngành và địa phương trong từng giai đoạn và xây dựng được kế hoạch hành động có tính khả thi để ứng phó hiệu quả với BĐKH cho từng giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, tận dụng các cơ hội phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế trong nỗ lực giảm nhẹ BĐKH, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

14. Chương trình Hỗ trợ ứng phó BĐKH (sau đây gọi tắt là chương trình SP- RCC) là chương trình hỗ trợ ngân sách chung cho các hoạt động xây dựng chính sách. Chương trình có mục tiêu cơ bản là hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc lồng ghép công tác ứng phó với BĐKH vào các chính sách, chương trình và các kế hoạch phát triển cũng như tập trung hỗ trợ Chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với BĐKH và Chiến lược BĐKH quốc gia (tầm nhìn tới năm 2050).

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Nội dung phối hợp:

1. Phối hợp về quản lý KTTV:

a) Xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật về quản lý KTTV ở địa phương trình HĐND, UBND ban hành theo phân cấp của Chính phủ.

b) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong lĩnh vực KTTV cho cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

c) Nghiên cứu, đánh giá các điều kiện KTTV trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; quan trắc, dự báo KTTV phục vụ phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;.

d) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh bao gồm: Danh mục vị trí các trạm KTTV chuyên dùng; danh mục tài liệu KTTV hiện có; danh mục và số liệu các yếu tố KTTV quan trắc được trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu KTTV phục vụ qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn, dài hạn của địa phương.

e) Nâng cao chất lượng trong việc phát báo, dự báo, thu nhận các bản tin KTTV giữa Đài KTTV tỉnh Hà Nam với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh;

g) Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực KTTV: Điều tra cơ bản đánh giá nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh, tần suất bão, lũ lụt, dự báo sự xuất hiện lũ quét và các hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm; đề xuất phương án phòng, chống, khắc phục tác hại do thiên tai gây ra.

2. Phối hợp về quản lý ứng phó biến đổi khí hậu:

a) Xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật về BĐKH ở địa phương trình HĐND, UBND ban hành theo phân cấp của Chính phủ.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình tác động của BĐKH đến các yếu tố tự nhiên, con người, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh các giải pháp ứng phó BĐKH và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

d) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong lĩnh vực BĐKH cho cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH, kịch bản BĐKH; điều phối việc thực hiện, hướng dẫn lồng ghép các nội dung ứng phó với BĐKH vào chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của từng ngành.

e) Xây dựng, đề xuất các chương trình, nhiệm vụ, dự án về ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổng hợp trình Chính phủ phê duyệt.

g) Lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án về ứng phó BĐKH. Tiến hành thực hiện chế độ báo cáo, giám sát và đánh giá thực hiện dự án theo quy định.

h) Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào ứng phó với BĐKH.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan tham mưu, xây dựng trình UBND tỉnh ban hành các Quyết định, Chỉ thị về quản lý hoạt động KTTV, ứng phó với BĐKH, các biện pháp bảo vệ tài nguyên khí hậu và thủy văn trên địa bàn; quy hoạch phát triển, chương trình kế hoạch dài hạn về KTTV; kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Chính phủ;

b) Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH; cập nhật kịch bản BĐKH; lồng ghép yếu tố BĐKH vào các chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển của ngành và địa phương; hướng dẫn và điều phối việc thực hiện;

c) Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động của công trình KTTV chuyên dùng ở địa phương thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

d) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình KTTV chuyên dùng; tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc

phục hậu quả thiên tai, kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn;

đ) Thẩm định nội dung về KTTV trong quy hoạch, thiết kế các công trình, dự án đầu tư xây dựng ở địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình KTTV chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV của Trung ương trên địa bàn;

g) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi của Sở Tài nguyên và Môi trường trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về KTTV và BĐKH; các đề án, dự án, chương trình về KTTV và BĐKH; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về KTTV và BĐKH trên địa bàn quản lý;

h) Chủ trì hoặc tham gia phối hợp nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ, thông tin, tư liệu, dữ liệu quản lý KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh; tham gia hợp tác quốc tế về lĩnh vực KTTV và BĐKH; thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về KTTV và BĐKH ở địa phương theo quy định của pháp luật;

i) Chủ trì phối hợp với Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan tổng hợp tình hình KTTV, đánh giá diễn biến, tác động của BĐKH đến các yếu tố tự nhiên, con người, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; thu thập và xử lý thông tin, xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai. Phối hợp với các ngành có liên quan báo cáo, đề xuất và kiến nghị với UBND tỉnh biện pháp ứng phó với tác động của BĐKH;

k) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, Ủy ban MTTQ và các tổ chức, đoàn thể nhân dân tuyên truyền, phổ biến các thông tin, kiến thức và văn bản quy phạm pháp luật về KTTV, BĐKH, phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro do thiên tai tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc tỉnh và quần chúng nhân dân;

l) Hướng dẫn thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh; thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

m) Phối hợp với Đài KTTV tỉnh; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh.

2. Đài KTTV tỉnh Hà Nam:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức thẩm tra độ chính xác các số liệu về lĩnh vực KTTV gồm: khí tượng nông nghiệp, các số liệu KTTV được sử dụng cho việc tính toán các đặc trưng thiết kế khi xây dựng công trình, quy hoạch... theo yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Tham gia cùng Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác điều tra cơ bản về KTTV trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy phạm kỹ thuật chuyên ngành và quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào lĩnh vực dự báo, điều tra cơ bản KTTV; nâng cao chất lượng trong việc phát báo, dự báo, thu nhận các bản tin KTTV với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh;

d) Cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, số liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và dự báo tác động của BĐKH trên địa bàn tỉnh; phối hợp Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và đề xuất các biện pháp ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh;

đ) Phát báo kịp thời các hiện tượng khí hậu thời tiết thủy văn nguy hiểm (giá rét kéo dài, áp thấp nhiệt đới, bão, lốc, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét...) cho các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng theo chế độ quy định của Chính phủ; đồng thời thu nhận thông tin dữ liệu, phát báo bổ sung các tin về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

e) Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, các Viện nghiên cứu trong nước nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực KTTV, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh, tham gia xây dựng, đề xuất phương án chủ động phòng, chống, giảm nhẹ tác hại do thiên tai gây ra, ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến quan trắc phát hiện kịp thời hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, mưa đá, lũ quét, lở đất... nâng cao chất lượng dự báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

g) Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã phổ biến tuyên truyền đến các tổ chức và nhân dân về những chính sách pháp luật trong lĩnh vực KTTV. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về KTTV cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo qui định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh thu thập, cập nhật và tổng hợp các thông tin, số liệu về tác động của BĐKH ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; trên cơ sở đó, báo cáo và đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp ứng phó, khắc phục;

b) Thường xuyên tiếp nhận các dự báo, cảnh báo về KTTV do Đài KTTV tỉnh và Đài KTTV khu vực Bắc Bộ cung cấp, xử lý thông tin theo chức năng để chỉ đạo kịp thời sản xuất nông, lâm nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

4. Ban chỉ huy PCTT và TKCN:

Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có trách nhiệm phối hợp các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan theo dõi, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn, thiên tai trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, đề xuất phương án phòng, chống, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh đề xuất UBND tỉnh các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về KTTV và BĐKH; phối hợp thẩm định các dự án, đề án ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến thuộc lĩnh vực KTTV và BĐKH vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường tham mưu báo cáo UBND tỉnh phân bổ phần vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương cho các hoạt động: cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH; cập nhật kịch bản BĐKH khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Sở Tài chính:

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối nguồn ngân sách, bố trí vốn hàng năm cho các nội dung thực hiện nhiệm vụ về KTTV và ứng phó BĐKH.

8. UBND cấp huyện, cấp xã:

a) Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý Nhà nước về hoạt động KTTV, BĐKH và các nhiệm vụ về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn;

b) Theo dõi chặt chẽ các bản tin dự báo thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để chỉ đạo các hoạt động sản xuất đời sống của địa phương. Khi có thông báo của Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và thông tin dự báo về bão, lốc, mưa, lũ phải khẩn trương triển khai phương án chủ động phòng, chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. Chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị hoạt động KTTV và BĐKH tại địa bàn để nắm vững diễn biến thời tiết để kịp thời chỉ đạo huy động lực lượng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV và BĐKH theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về KTTV, BĐKH, phòng, chống lụt, bão, động đất, thiên tai tại địa phương.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Nam:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTV và BĐKH trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cập nhật, truyền phát các bản tin về KTTV, cảnh báo thiên tai theo quy định của pháp luật.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN, Đài KTTV tỉnh thông tin phòng chống giảm nhẹ thiên tai, an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

11. Các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân khác:

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm cử cơ quan đầu mối phối hợp và gửi thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp thì các cơ quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế, các tổ chức và cá nhân liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Minh Hiến